

 bóng đá	 bóng rổ	der Basketball Các em nhỏ chơi bóng rổ cùng nhau. Die Kinder spielen zusammen Basketball. Lektion 155 · Sport — Ballspiele	der Fußball Lũ trẻ chơi bóng đá ở ngoài trời. Die Kinder spielen draußen Fußball. Lektion 155 · Sport — Ballspiele
 bóng chày	 quần vợt	das Tennis Anh ấy chơi quần vợt với bạn của mình. Er spielt mit seinem Freund Tennis. Lektion 155 · Sport — Ballspiele	der Baseball Anh trai tôi chơi bóng chày. Mein Bruder spielt Baseball. Lektion 155 · Sport — Ballspiele
 bóng bàn	 cầu lông	das Badminton Họ chơi cầu lông ở ngoài trời. Sie spielen draußen Badminton. Lektion 155 · Sport — Ballspiele	das Tischtennis Lũ trẻ chơi bóng bàn. Die Kinder spielen Tischtennis. Lektion 155 · Sport — Ballspiele
 khúc côn cầu	 bóng chuyền	der Volleyball Lũ trẻ chơi bóng chuyền ở ngoài trời. Die Kinder spielen draußen Volleyball. Lektion 155 · Sport — Ballspiele	das Hockey Anh ấy chơi khúc côn cầu với bạn bè. Er spielt Hockey mit seinen Freunden. Lektion 155 · Sport — Ballspiele

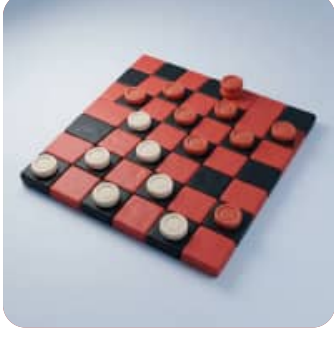
 gôn	 bóng bầu dục	das Rugby Anh trai tôi chơi bóng bầu dục với bạn bè. Mein Bruder spielt mit seinen Freunden Rugby. Lektion 155 · Sport — Ballspiele	das Golf Bố tôi chơi gôn. Mein Vater spielt Golf. Lektion 155 · Sport — Ballspiele
 bóng gậy	 vợt	der Schläger Anh ấy làm gãy cái vợt tennis của mình. Er hat seinen Tennisschläger zerbrochen. Lektion 155 · Sport — Ballspiele	das Cricket Bóng gậy rất phổ biến ở Anh. Cricket ist in England sehr beliebt. Lektion 155 · Sport — Ballspiele
 quả bóng	 trò chơi	das Spiel Trên kệ có một trò chơi cũ. Auf dem Regal steht ein altes Spiel. Lektion 152 · Sport & Spiele	der Ball Anh ấy đá quả bóng màu đỏ. Er tritt den roten Ball. Lektion 152 · Sport & Spiele
 trận đấu	 đội	das Team Đây là trận thắng của đội tôi. Das ist das gewonnene Spiel meines Teams. Lektion 152 · Sport & Spiele	die Partie Họ xem trận đấu bóng chày. Sie schauen sich die Baseball-Partie an. Lektion 152 · Sport & Spiele

 cầu thủ	 huấn luyện viên	der Trainer Huấn luyện viên nói chuyện với đội bóng đá. Der Trainer spricht mit der Fußballmannschaft. Lektion 152 · Sport & Spiele	der Spieler Anh ấy là một cầu thủ tuyệt vời. Er ist ein großartiger Spieler. Lektion 152 · Sport & Spiele
 trọng tài	 bàn thắng	das Tor Cô ấy đã ghi một bàn thắng quyết định. Sie hat ein Siegtor geschossen. Lektion 152 · Sport & Spiele	der Schiedsrichter Họ đã thấy trọng tài của trận đấu. Sie sahen den Schiedsrichter des Spiels. Lektion 152 · Sport & Spiele
 ghi điểm	 thắng	gewinnen Bạn có thể thắng mọi lúc. Du kannst jedes Mal gewinnen. Lektion 152 · Sport & Spiele	punkten Tôi ghi điểm trong trò chơi. Ich punkte im Spiel. Lektion 152 · Sport & Spiele
 làm mất	 hòa	unentschieden Trận đấu kết thúc với tỉ số hòa. Das Spiel endete unentschieden. Lektion 152 · Sport & Spiele	verlieren Thình thoảng họ làm mất bóng. Sie verlieren den Ball manchmal. Lektion 152 · Sport & Spiele

 trượt tuyết	 trượt tuyết bằng ván	das Snowboarden Anh trai tôi thích trượt tuyết bằng ván vào mùa đông. Mein Bruder geht im Winter gerne Snowboarden. Lektion 156 · Sport — Outdoor & Action	das Skifahren Họ thích trượt tuyết trên núi. Sie genießen das Skifahren auf dem Berg. Lektion 156 · Sport — Outdoor & Action
 lướt sóng	 câu cá	angeln Chúng tôi đang câu cá ở dưới sông. Wir angeln im Fluss. Lektion 156 · Sport — Outdoor & Action	surfen Người đàn ông đó đang lướt sóng trên một con sóng. Der Mann surft auf einer Welle. Lektion 156 · Sport — Outdoor & Action
 trượt ván	 trượt băng	das Eislaufen Chúng tôi thích trượt băng. Wir gehen gerne Eislaufen. Lektion 156 · Sport — Outdoor & Action	das Skateboardfahren Cậu bé thích trượt ván. Der Junge mag Skateboardfahren. Lektion 156 · Sport — Outdoor & Action
 đang đi thuyền	 leo	klettern Cậu bé đang leo cây. Der Junge klettert auf den Baum. Lektion 156 · Sport — Outdoor & Action	segeln Con tàu đang đi thuyền trên biển. Das Schiff segelt jetzt. Lektion 156 · Sport — Outdoor & Action

 chạy bộ	 thể dục dụng cụ	das Turnen Các em nhỏ tập thể dục dụng cụ. Die Kinder üben Turnen. Lektion 156 · Sport — Outdoor & Action	joggen Người đàn ông đang chạy bộ ở ngoài trời. Der Mann joggt draußen. Lektion 156 · Sport — Outdoor & Action
 trượt patin	 chèo	paddeln Chúng tôi đang chèo chiếc thuyền nhỏ. Wir paddeln das kleine Boot. Lektion 156 · Sport — Outdoor & Action	Inlineskaten Anh ấy đang trượt patin trong công viên. Er fährt Inlineskates im Park. Lektion 156 · Sport — Outdoor & Action
 bắn	 cuộc đua	das Rennen Người chạy bộ đã thắng cuộc đua. Der Läufer hat das Rennen gewonnen. Lektion 153 · Sportverben — auf dem Platz	schießen Người thợ săn bắn mũi tên. Der Jäger schießt den Pfeil ab. Lektion 153 · Sportverben — auf dem Platz
 bảo vệ	 cổ vũ	jubeln Mọi người cổ vũ cho người chiến thắng. Die Leute jubeln dem Gewinner zu. Lektion 153 · Sportverben — auf dem Platz	verteidigen Những người lính bảo vệ thành phố. Die Soldaten verteidigen die Stadt. Lektion 153 · Sportverben — auf dem Platz

 đánh	 mục tiêu	das Ziel Mục tiêu của chúng tôi là tìm kiếm thức ăn. Unser Ziel ist es, Nahrung zu finden. Lektion 153 · Sportverben — auf dem Platz	schlagen Cậu bé đánh quả bóng. Der Junge schlug den Ball. Lektion 153 · Sportverben — auf dem Platz
 cú vung	 nhấc	heben Anh ấy nhấc cái hộp nặng lên. Er hebt die schwere Kiste. Lektion 153 · Sportverben — auf dem Platz	der Schwung Cú vung gậy của anh ấy rất mạnh. Sein Schwung mit dem Schläger war stark. Lektion 153 · Sportverben — auf dem Platz
 dẫn bóng	 giải quyết	angehen Chúng ta phải giải quyết vấn đề khó khăn này. Wir müssen dieses schwierige Problem angehen. Lektion 153 · Sportverben — auf dem Platz	dribbeln Cậu bé đang dẫn bóng. Der Junge dribbelt den Ball. Lektion 153 · Sportverben — auf dem Platz
 ném	 cú đập bóng	der Schmetterball Cú đập bóng của cô ấy đã ghi điểm. Ihr Schmetterball gewann den Punkt. Lektion 153 · Sportverben — auf dem Platz	werfen Cầu thủ ném quả bóng. Der Spieler wirft den Ball. Lektion 153 · Sportverben — auf dem Platz

 cờ vua	 trò chơi xếp hình	das Rätsel Đưa trẻ giải trò chơi xếp hình. Das Kind löst das Rätsel. Lektion 154 · Spiele & Rätsel	das Schach Họ chơi cờ vua mỗi tối. Sie spielen jeden Abend Schach. Lektion 154 · Spiele & Rätsel
 bài	 cờ domino	das Domino Chúng tôi cùng chơi cờ domino. Wir spielen zusammen Domino. Lektion 154 · Spiele & Rätsel	die Karten Anh ấy chơi bài với bạn bè. Er spielt mit seinen Freunden Karten. Lektion 154 · Spiele & Rätsel
 cờ đam	 xúc xắc	die Würfel Anh ấy tung con xúc xắc màu đỏ. Er würfelt mit den roten Würfeln. Lektion 154 · Spiele & Rätsel	die Dame Lũ trẻ chơi cờ đam cùng nhau. Die Kinder spielen zusammen Dame. Lektion 154 · Spiele & Rätsel
 phi tiêu	 bowling	das Bowling Chúng tôi thích môn bowling. Wir mögen den Sport Bowling. Lektion 154 · Spiele & Rätsel	die Dartpfeile Anh ấy ném những chiếc phi tiêu nhỏ. Er wirft die kleinen Dartpfeile. Lektion 154 · Spiele & Rätsel

		die Spielhalle Chúng tôi chơi trò chơi ở trung tâm trò chơi. Wir spielen Videospiele in der Spielhalle. Lektion 154 · Spiele & Rätsel	das Billard Anh ấy chơi bi-a với bạn bè. Er spielt mit seinen Freunden Billard. Lektion 154 · Spiele & Rätsel
		das Turnier Đội của chúng tôi đã thắng giải đấu. Unsere Mannschaft hat das Turnier gewonnen. Lektion 154 · Spiele & Rätsel	die Konsole Tôi chơi trên máy chơi game của mình. Ich spiele auf meiner Konsole. Lektion 154 · Spiele & Rätsel